

Số: 70/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 9 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI MỐT (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật Nhà ở số 27/2023/QH 15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 115/TTr-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

- 01 dự án thu hồi đất với diện tích 128,18 ha (chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

- 07 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất với tổng diện tích 290,98 ha (chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

**Điều 2.** Thông qua điều chỉnh diện tích, địa điểm đối với 03 dự án trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (chi tiết tại Phụ lục III kèm theo).

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ; căn cứ pháp lý của các dự án và tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng chỉ tiêu sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chỉ thực hiện việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất khi đã đảm bảo đầy đủ thủ tục, quy trình và đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục rà soát quy mô, diện tích của từng dự án, đánh giá tiến độ triển khai, sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện theo tính cấp thiết của từng dự án, đảm bảo mục tiêu sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm. Sau thu hồi, yêu cầu chủ đầu tư sớm đưa vào sử dụng đất có hiệu quả. Kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai, vi phạm Luật Đất đai theo quy định.

Tiếp tục cải cách hành chính, nhất là cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng và đất đai. Tuân thủ đúng quy trình, quy định pháp lý trong tổ chức thực hiện thu hồi đất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ hai mươi một (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2024./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**



## Phụ lục I

### Danh mục 01 dự án thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số **70** /NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2024  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

| STT      | Tên công trình dự án<br>sử dụng đất | Địa điểm<br>(xã, phường,<br>thị trấn, huyện) | Diện tích<br>(ha) | Trong đó sử dụng từ loại đất (ha) |                      |                            |                            |              |
|----------|-------------------------------------|--|-------------------|-----------------------------------|----------------------|----------------------------|----------------------------|--------------|
|          |                                     |  |                   | Đất<br>trồng<br>lúa               | Đất rừng<br>sản xuất | Đất<br>rừng<br>phòng<br>hộ | Đất<br>rừng<br>đặc<br>dụng | Đất khác     |
| <b>I</b> | <b>HUYỆN PHÚ BÌNH</b>               |  | <b>128,18</b>     | <b>35,43</b>                      | <b>5,69</b>          |                            |                            | <b>87,06</b> |
| 1        | Khu công nghiệp Thượng Đình         | Xã Thượng Đình,<br>huyện Phú Bình            | 128,18            | 35,43                             | 5,69                 |                            |                            | 87,06        |

## Phụ lục II

### Danh mục 07 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số **70** /NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

| STT      | Tên công trình dự án sử dụng đất                              | Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện) | Diện tích (ha) | Trong đó sử dụng từ loại đất (ha) |                   |                   |                   |              |
|----------|---|--|----------------|-----------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|--------------|
|          |   |  |                | Đất trồng lúa                     | Đất rừng sản xuất | Đất rừng phòng hộ | Đất rừng đặc dụng | Đất khác     |
| <b>I</b> | <b>HUYỆN PHÚ BÌNH</b>   |  | <b>290,98</b>  | <b>211,75</b>                     | <b>2,01</b>       |                   |                   | <b>77,23</b> |
| 1        | Chuyển mục đích sang đất ở nông thôn của hộ gia đình, cá nhân | Xã Điềm Thụy, huyện Phú Bình           | 0,06           | 0,06                              |                   |                   |                   |              |
| 2        | Khu dân cư Kha Sơn  | Xã Kha Sơn, huyện Phú Bình             | 15,43          | 13,75                             |                   |                   |                   | 1,68         |
| 3        | Khu dân cư Thanh Lương xã Tân Hòa                             | Xã Tân Hòa, huyện Phú Bình             | 33,47          | 26,60                             |                   |                   |                   | 6,87         |
| 4        | Cụm công nghiệp Lương Phú - Tân Đức                           | Xã Lương Phú, huyện Phú Bình           | 43,10          | 38,14                             |                   |                   |                   | 4,96         |
|          |   | Xã Tân Đức, huyện Phú Bình             | 31,40          | 25,00                             |                   |                   |                   | 6,40         |
| 5        | Cụm công nghiệp Tân Đức                                       | Xã Tân Đức, huyện Phú Bình             | 74,50          | 41,62                             | 2,01              |                   |                   | 30,87        |
| 6        | Cụm Công nghiệp Hà Châu 1                                     | Xã Hà Châu, huyện Phú Bình             | 48,34          | 34,74                             |                   |                   |                   | 13,60        |
| 7        | Cụm Công nghiệp Hà Châu 2                                     | Xã Nga My, huyện Phú Bình              | 0,01           | 0,01                              |                   |                   |                   |              |
|          |   | Xã Hà Châu, huyện Phú Bình             | 44,68          | 31,83                             |                   |                   |                   | 12,85        |

